

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN
YÊN BÁI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2-4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5-6
Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán	7-53
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	7-10
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2021</i>	11
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2021</i>	12-13
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2021</i>	14-47
<i>Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	48-53

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái (trước đây là Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bái) được thành lập theo Quyết định số 376/QĐ-UB ngày 17 tháng 12 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200216647 ngày 01 tháng 01 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp bổ sung 13 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh, tên công ty, người đại diện theo pháp luật và vốn điều lệ của công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 14 tháng 5 năm 2020 thay đổi vốn điều lệ của Công ty.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 13: 118.000.000.000 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Điện thoại : 0216 3885154
Fax : 0216 3885585
E-mail : ximangyb@gmail.com
Website : www.ybcmjsc.com
Mã số thuế : 5200216647

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao
- Chi tiết: Sản xuất xi măng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Chi tiết: Khai thác đá vôi cho sản xuất xi măng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Chi tiết: Dịch vụ khách sạn;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh và xuất khẩu khoáng sản;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh đá xây dựng;
- Kinh doanh thương mại - dịch vụ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình dân dụng./.

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy xi măng	Thị trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái
Xí nghiệp khai thác đá	Thị trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái
Nhà máy chế biến	Thị trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 53).

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Sự kiện ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động trong năm tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 khoản lỗ lũy kế của Công ty là 28.078.526.667 đồng chiếm 23,80% vốn đầu tư của chủ sở hữu và nợ ngắn hạn vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 190.595.736.428 đồng. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên do tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất, tăng sản lượng dẫn tới kết quả kinh doanh của Công ty vẫn đang có lãi, và có chiều hướng phát triển tích cực. Bên cạnh đó, do chứng minh được năng lực tài chính và định hướng phát triển kinh doanh tốt, Công ty vẫn tiếp tục được các Ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt nam – Chi nhánh Yên Bái, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Yên Bình cho vay. Do vậy vốn hoạt động của Công ty luôn duy trì ở mức ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững.

Từ các yếu tố này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng các vấn đề nêu trên sẽ không ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty, Báo cáo tài chính theo giả định Hoạt động liên tục vẫn là phù hợp.

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tổng hợp này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Xuân Nguyên	Chủ tịch
Ông Phạm Quang Phú	Ủy viên
Ông Phạm Việt Thương	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quang Chiến	Trưởng ban
Ông Tống Văn Tý	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Quang Phú	Giám đốc
Ông Đặng Văn Thắng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Phong	Phó Giám đốc
Ông Phạm Việt Thương	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Đình Hoàng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2021
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2021

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Yên Bái, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Thay mặt Ban Giám đốc,



Phạm Quang Phú

Số : 0712.01/2021/NVT2-BCTC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2021Kính gửi : **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022 từ trang 07 đến trang 53, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh VII.7. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 khoản lỗ lũy kế của Công ty là 28.078.526.667 đồng chiếm 23,80% vốn đầu tư của chủ sở hữu và nợ ngắn hạn vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 190.595.736.428 đồng. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên do tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất, tăng sản lượng dẫn tới kết quả kinh doanh của Công ty vẫn đang có lãi, và có chiều hướng phát triển tích cực. Bên cạnh đó, do chứng minh được năng lực tài chính và định hướng phát triển kinh doanh tốt, Công ty vẫn tiếp tục được các Ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Yên Bình cho vay. Do vậy vốn hoạt động của Công ty luôn duy trì ở mức ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững. Vì vậy Ban Giám đốc cho rằng việc lập Báo cáo tài chính theo giả định Hoạt động liên tục vẫn là phù hợp.

Vấn đề này không ảnh hưởng đến ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



[Handwritten signature of Nguyễn Thị Hạnh]

[Handwritten signature of Phạm Văn Tuấn]

Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNT số: 1690-2018-124-1

Phạm Văn Tuấn

GCNĐKHNT số: 4497-2018-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		381.619.937.971	363.954.416.106
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.859.275.262	7.162.610.715
1. Tiền	111		3.859.275.262	7.162.610.715
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		200.985.255.897	164.436.222.936
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	191.519.281.982	151.197.631.601
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6.930.189.580	7.753.709.833
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	9.659.063.852	12.608.161.019
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(7.123.279.517)	(7.123.279.517)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		174.239.994.908	190.780.682.895
1. Hàng tồn kho	141	V.7	174.239.994.908	190.780.682.895
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.535.411.904	1.574.899.560
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.666.267.956	671.062.844
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		869.143.948	903.836.716
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		413.088.921.626	399.951.617.261
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.376.777.325	3.647.556.097
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	4.376.777.325	3.647.556.097
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		341.013.919.339	347.161.002.040
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	294.769.168.856	303.123.362.562
<i>Nguyên giá</i>	222		643.443.591.067	630.478.302.213
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(348.674.422.211)	(327.354.939.651)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	46.145.750.483	44.029.639.478
<i>Nguyên giá</i>	225		51.843.254.686	46.287.699.131
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(5.697.504.203)	(2.258.059.653)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	99.000.000	8.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		272.436.364	162.436.364
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(173.436.364)	(154.436.364)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		48.901.656.822	16.339.920.037
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	48.901.656.822	16.339.920.037
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	4.193.041.460	3.967.539.590
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2a	4.262.469.000	4.262.469.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2a	(1.069.427.540)	(1.294.929.410)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	1.000.000.000	1.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14.603.526.680	28.835.599.497
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	14.603.526.680	28.835.599.497
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		794.708.859.597	763.906.033.367

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		687.205.981.741	658.469.541.451
I. Nợ ngắn hạn	310		572.215.674.399	617.210.552.266
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	218.470.012.017	220.665.881.797
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	11.931.747.029	16.789.870.793
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	15.217.351.375	18.857.059.246
4. Phải trả người lao động	314		19.835.205.405	8.142.489.854
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	2.530.000	3.264.900
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	24.868.663.733	28.871.003.054
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	281.890.164.840	323.880.982.622
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		114.990.307.342	41.258.989.185
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	37.529.613.797	11.818.400.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	77.460.693.545	29.440.589.185
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

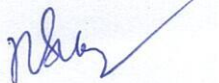
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		107.502.877.856	105.436.491.916
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	107.502.877.856	105.436.491.916
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		118.000.000.000	118.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		118.000.000.000	118.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.086.494.455	9.086.494.455
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		261.000.000	261.000.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(258.200.000)	(258.200.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.492.110.068	8.492.110.068
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(28.078.526.667)	(30.144.912.607)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(30.144.912.607)	(31.741.912.229)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.066.385.940	1.596.999.622
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		794.708.859.597	763.906.033.367

Người lập biểu



Vũ Thị Hồng Nhung

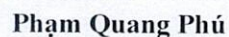
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Hoàng

Lập ngày 30 tháng 3 năm 2022

Giám đốc

Phạm Quang Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	760.569.528.148	743.719.824.703
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.133.636	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		760.565.394.512	743.719.824.703
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	708.501.486.349	690.216.476.233
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.063.908.163	53.503.348.470
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	73.073.923	4.054.219
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	29.329.836.757	29.503.335.330
Trong đó: chi phí lãi vay	23		29.555.338.627	29.900.184.662
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	7.790.767.048	9.211.780.933
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	11.048.631.851	10.991.272.166
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.967.746.430	3.801.014.260
11. Thu nhập khác	31	VI.7	15.820.154.759	46.678.863.765
12. Chi phí khác	32	VI.8	16.929.396.838	48.174.796.155
13. Lợi nhuận khác	40		(1.109.242.079)	(1.495.932.390)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.858.504.351	2.305.081.870
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	792.118.411	708.082.248
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.066.385.940	1.596.999.622
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	175,12	135,34

Người lập biểu

Vũ Thị Hồng Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Hoàng

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2022



Phạm Quang Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.858.504.351	2.305.081.870
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	29.611.260.443	26.611.752.471
- Các khoản dự phòng	03	(225.501.870)	(804.241.232)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(392.962.812)	(354.054.219)
- Chi phí lãi vay	06	29.555.338.627	29.900.184.662
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	61.406.638.739	57.658.723.552
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(27.651.179.370)	(45.006.441.099)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	16.540.687.987	31.473.347.410
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(6.174.579.306)	(20.274.259.909)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	13.301.034.372	(8.741.132.151)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(29.529.794.183)	(31.907.777.439)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	27.892.808.239	(16.797.539.636)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(36.991.855.475)	(25.260.690.511)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	3.148.925.356	26.131.190.347
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(1.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.073.923	4.054.219
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(33.838.856.196)	(125.445.945)

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	563.438.924.062	604.959.209.526
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(553.226.417.595)	(580.706.554.493)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(7.569.793.963)	(4.246.717.232)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	2.642.712.504	20.005.937.801
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(3.303.335.453)	3.082.952.220
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	7.162.610.715	4.079.658.495
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	3.859.275.262	7.162.610.715

Người lập biểu

Vũ Thị Hồng Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Hoàng

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2022



Phạm Quang Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh:**
 - Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất xi măng;
 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá vôi cho sản xuất xi măng;
 - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Dịch vụ khách sạn;
 - Khai thác, chế biến, kinh doanh và xuất khẩu khoáng sản;
 - Khai thác, chế biến, kinh doanh đá xây dựng;
 - Kinh doanh thương mại - dịch vụ;
 - Kinh doanh bất động sản;
 - Xây dựng công trình dân dụng./.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
5. **Số lượng người lao động tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:** 331 lao động (số đầu năm là 334 lao động)
6. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:**
Không có.
7. **Cấu trúc doanh nghiệp:**
Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy xi măng	Thị trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái
Xí nghiệp khai thác đá	Thị trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái
Nhà máy chế biến	Thị trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái
8. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC tổng hợp:**
Số liệu BCTC tổng hợp năm 2021 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC tổng hợp năm 2020

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Doanh nghiệp có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Doanh nghiệp nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư

Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- + Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- + Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Khi lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp phải xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10

b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐVH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Thời gian khấu hao 5 - 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

c) Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí XD CBDD phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả lãi vay vốn hóa nếu có) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa TSCĐ đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty/Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ..

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác thuộc chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	919.389.757	1.271.826.081
Tiền gửi ngân hàng	2.939.885.505	5.890.784.634
Cộng	<u>3.859.275.262</u>	<u>7.162.610.715</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình với tỷ lệ 1,67%

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(1.294.929.410)	(1.691.778.742)
Hoàn nhập dự phòng(*)	225.501.870	396.849.332
Số cuối năm	<u>(1.069.427.540)</u>	<u>(1.294.929.410)</u>

(*) Số hoàn nhập trong năm 2021 dựa trên số liệu Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình chưa được kiểm toán.

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được phát hành ngày 24 tháng 12 năm 2020, kỳ hạn trái phiếu 07 năm

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH रुपi Hoàng Sơn	-	13.926.426.960
Công ty TNHH một thành viên thương mại và xây dựng Thuận Môn	13.767.805.900	6.996.795.600
Đại lý Nguyễn Thị Thu Lương	2.361.973.305	12.300.472.676
Công ty TNHH Vân Long	-	5.084.581.600
Công ty TNHH MTV VT Hưng Phát	15.811.223.206	2.155.245.406
Công ty TNHH một thành viên Tiến Sa	13.059.067.200	6.966.668.800
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại Quốc Tế Khánh An	8.813.284.324	2.116.648.324
Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Quỳnh Anh	3.096.350.600	6.673.469.600
Công ty TNHH Hòa Bình	26.907.359.184	6.294.797.584
Công ty TNHH một thành viên Hoàn Hải	3.162.402.400	3.162.402.400
Công ty TNHH Hoàng Nghĩa Ruby	16.456.431.890	-
Hợp tác xã khai thác dịch vụ thương mại và vận chuyển đá Thanh Hải	12.914.511.970	-
Các khách hàng khác	75.168.872.003	85.520.122.651
Cộng	<u>191.519.281.982</u>	<u>151.197.631.601</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Môi trường xanh Gia Phong	-	1.500.000.000
Công ty TNHH TM&DV Công nghiệp Hoàng Minh	636.695.500	1.291.200.335
Đối tượng khác	6.293.494.080	4.962.509.498
Cộng	6.930.189.580	7.753.709.833

5. Các khoản phải thu**a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng	739.601.223	(22.100.000)	636.701.223	(22.100.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	8.919.462.629	(7.000.000)	11.971.459.796	(7.000.000)
Cộng	9.659.063.852	(29.100.000)	12.608.161.019	(29.100.000)

b) Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

6. Nợ xấu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(7.123.279.517)	(7.530.671.417)
Tăng do trích lập trong năm	-	-
Hoàn nhập trong năm	-	407.391.900
Số cuối năm	(7.123.279.517)	(7.123.279.517)

Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi xem phụ lục số 01.

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	162.151.721.792	177.350.490.504
Công cụ, dụng cụ	20.660.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.980.656.058	5.877.830.272
Thành phẩm	10.086.957.058	7.552.362.119
Cộng	174.239.994.908	190.780.682.895

8. Chi phí trả trước**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Sửa chữa TSCĐ	-	43.622.917
Công cụ dụng cụ	283.146.635	118.770.288
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	186.375.694	-
Tiền thuê đất	807.650.307	239.789.635
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	389.095.320	268.880.004
Cộng	1.666.267.956	671.062.844

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	27.971.119.305	314.400.000	(14.202.230.094)	14.083.289.211
Thăm dò, tư vấn, thiết kế khai thác mỏ	149.605.900	-	(149.605.900)	-
Công cụ dụng cụ	527.993.939	99.972.727	(213.204.798)	414.761.868
Chênh lệch giá bán TSCĐ và GTCL bán và thuê tài chính	7.687.099	-	(2.562.366)	5.124.733
Bảo hiểm rủi ro TS thuê tài chính	179.193.254	58.333.335	(137.175.721)	100.350.868
Cộng	28.835.599.497	472.706.062	(14.704.778.879)	14.603.526.680

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	179.171.271.809	431.566.548.809	18.409.323.427	1.331.158.168	630.478.302.213
Mua trong năm	-	4.640.000.000	9.618.181.818	-	14.258.181.818
Đầu tư XD CB hoàn thành	2.876.604.037	15.830.502.998	-	-	18.707.107.035
Thanh lý, nhượng bán	-	(11.999.999.999)	(8.000.000.000)	-	(19.999.999.999)
Số cuối năm	182.047.875.846	440.037.051.808	20.027.505.245	1.331.158.168	643.443.591.067
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	28.367.262.154	47.151.817.609	3.703.132.108	811.958.168	80.034.170.039
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	98.468.464.416	215.410.980.260	12.451.712.562	1.023.782.413	327.354.939.651
Khấu hao trong năm	6.870.703.156	17.747.118.985	1.457.888.177	77.105.575	26.152.815.893
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.522.222.222)	(311.111.111)	-	(4.833.333.333)
Số cuối năm	105.339.167.572	228.635.877.023	13.598.489.628	1.100.887.988	348.674.422.211
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	80.702.807.393	216.155.568.549	5.957.610.865	307.375.755	303.123.362.562
Số cuối năm	76.708.708.274	211.401.174.785	6.429.015.617	230.270.180	294.769.168.856

Tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 475.519.602.746 VND và 166.147.482.130 VND được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay trung hạn tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Yên Bái

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**10. Tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Tài sản cố định thuê tài chính là máy móc thiết bị

	<u>Máy móc thuê tài chính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá		
Số đầu năm	46.287.699.131	46.287.699.131
Tăng trong năm	5.555.555.555	5.555.555.555
Số cuối cuối năm	51.843.254.686	51.843.254.686
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	2.258.059.653	2.258.059.653
Khấu hao trong năm	3.439.444.550	3.439.444.550
Số cuối năm	5.697.504.203	5.697.504.203
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	44.029.639.478	44.029.639.478
Số dư cuối năm	46.145.750.483	46.145.750.483

11. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Là chương trình phần mềm			
Số đầu năm	162.436.364	154.436.364	8.000.000
Tăng trong năm	110.000.000	19.000.000	91.000.000
Số cuối năm	272.436.364	173.436.364	99.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Chi phí phát sinh trong năm		Kết chuyển vào TSCĐ	Số cuối năm
	Số đầu năm			
Xây dựng cơ bản dở dang hình thành TSCĐ	11.420.591.392	35.168.811.397	(4.831.581.449)	41.757.821.340
Nhà vệ sinh NMCB	11.528.636	-	-	11.528.636
Xây dựng hạng mục khác	8.206.830.031	-	-	8.206.830.031
Sân lò nung Clinker - NMXM	70.867.500	-	(70.867.500)	-
Nhà kho chứa bột 75 - NMCB	70.614.562	64.032.727	(134.647.289)	-
Đo đạc lập hồ sơ mỏ MS - Xi nghiệp KT	87.081.800	-	-	87.081.800
Nhà vòm máy nghiền 3	1.549.759.226	545.039.796	(2.094.799.022)	-
Dây chuyền lò nung GD3	1.423.909.637	30.252.748.132	-	31.676.657.769
Kho vật tư văn phòng	-	576.290.226	(576.290.226)	-
Dây truyền đốt nhiên liệu thay thế	-	1.749.450.376	-	1.749.450.376
Cải tạo xây dựng quanh khu vực văn phòng công ty	-	26.272.728	-	26.272.728
Cân thạch cao nhân tạo máy xi măng 2	-	440.846.639	(440.846.639)	-
Gia công lắp đặt băng tải, phễu nghiền thô 3	-	301.201.829	(301.201.829)	-
Máy sấy đất	-	1.212.928.944	(1.212.928.944)	-
Sửa chữa lớn TSCĐ	4.919.328.645	16.100.032.423	(13.875.525.586)	7.143.835.482
Sửa chữa lớn TSCĐ khác	4.919.328.645	16.100.032.423	(13.875.525.586)	7.143.835.482
Cộng	16.339.920.037	51.268.843.820	(18.707.107.035)	48.901.656.822

13. Phải trả người bán**a) Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH SXDV và TM Quỳnh Anh	-	-	11.188.822.897	11.188.822.897
Công ty TNHH Khánh Linh	-	-	18.072.994.697	18.072.994.697
Công ty Cổ phần Đầu tư khoáng sản Đại Dương	33.895.017.951	33.895.017.951	43.205.751.406	43.205.751.406
Công ty TNHH Hòa bình	39.882.902.746	39.882.902.746	13.749.523.765	13.749.523.765
Công ty TNHH một thành viên Tiến Sa	27.011.059.890	27.011.059.890	17.367.811.953	17.367.811.953
Công ty TNHH Nguyên Sinh Phú Thọ	3.740.350.047	3.740.350.047	10.603.269.731	10.603.269.731
HTX khai thác dịch vụ thương mại và vận chuyển đá Thanh Hải	14.848.096.927	14.848.096.927	-	-
Công ty TNHH MTV VT Hưng Phát	16.489.710.969	16.489.710.969	4.742.767.711	4.742.767.711
Các nhà cung cấp khác	82.602.873.487	82.602.873.487	101.734.939.637	101.734.939.637
Cộng	218.470.012.017	218.470.012.017	220.665.881.797	220.665.881.797

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**b) Phải trả người bán dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH SXDV và TM Quỳnh Anh	9.529.613.797	9.529.613.797	11.818.400.000	11.818.400.000
Công ty Cổ phần Đầu tư khoáng sản Đại Dương	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
Công ty TNHH Hòa bình	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-
Cộng	37.529.613.797	37.529.613.797	11.818.400.000	11.818.400.000

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH một thành viên Khánh Vũ 289	1.992.088.200	1.992.088.200	1.419.660.000	1.419.660.000
Công ty TNHH Phát Đạt	-	-	-	-
Công ty cổ phần Tổng công ty xi măng Miền Bắc	-	-	2.022.589.000	2.022.589.000
Ông Nguyễn Văn Thuận	2.805.475.000	2.805.475.000	2.805.475.000	2.805.475.000
Các khách hàng khác	7.134.183.829	7.134.183.829	10.542.146.793	10.542.146.793
Cộng	11.931.747.029	11.931.747.029	16.789.870.793	16.789.870.793

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lộ, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BAO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	9.585.927.836	-	11.906.121.001	(11.990.281.158)	9.501.767.679	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	708.082.247	-	792.118.411	(721.642.215)	778.558.443	-
Thuế thu nhập cá nhân	30.892.534	-	1.148.363.220	(820.224.628)	359.031.126	-
Thuế tài nguyên	2.375.175.159	-	5.485.256.945	(5.766.444.632)	2.093.987.472	-
Tiền thuế đất	718.718.212	-	816.712.524	(925.751.722)	609.679.014	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.438.263.258	-	4.719.401.349	(8.283.336.966)	1.874.327.641	-
Cộng	18.857.059.246	-	24.867.973.450	(28.507.681.321)	15.217.351.375	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.530.000	3.264.900
Cộng	2.530.000	3.264.900

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn	313.033.117	1.750.485.677
BHXH, BHYT, BHTN	766.645.539	2.182.753.779
Bảo hiểm xã hội (trợ cấp ốm đau, thai sản)	3.771.013.230	1.803.891.130
Công ty Cổ phần Latca (Đặt cọc tiền mua thiết bị)	650.000.000	650.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.000.000	135.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.859.000	1.859.000
Vay Clinker của Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	1.756.554.464	1.756.554.464
Khách mua hàng gửi lại kho công ty	3.492.340.275	3.024.888.102
Ông Lã Văn Tâm - đặt cọc tiền mua xi măng	6.100.000.000	6.100.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	7.982.218.108	11.465.570.902
Cộng	24.868.663.733	28.871.003.054

18. Vay và nợ thuê tài chính**a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	268.768.019.028	268.768.019.028	269.936.947.710	269.936.947.710
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái (*)</i>	<i>168.768.119.028</i>	<i>168.768.119.028</i>	<i>169.949.906.797</i>	<i>169.949.906.797</i>
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN huyện Yên Bình (**)</i>	<i>99.999.900.000</i>	<i>99.999.900.000</i>	<i>99.987.040.913</i>	<i>99.987.040.913</i>
Vay ngắn hạn các tổ chức cá nhân khác	-	-	36.050.000.004	36.050.000.004
Vay dài hạn đến hạn trả	4.488.000.000	4.488.000.000	10.421.000.000	10.421.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái</i>	<i>4.488.000.000</i>	<i>4.488.000.000</i>	<i>9.021.000.000</i>	<i>9.021.000.000</i>
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Yên Bái</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.400.000.000</i>	<i>1.400.000.000</i>
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	8.634.145.812	8.634.145.812	7.473.034.908	7.473.034.908
<i>Công ty cho thuê tài chính Chailease</i>	<i>8.634.145.812</i>	<i>8.634.145.812</i>	<i>7.473.034.908</i>	<i>7.473.034.908</i>
Cộng	281.890.164.840	281.890.164.840	323.880.982.622	323.880.982.622

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/783294/HĐTD ngày 15/07/2021. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Hạn mức tín dụng 170.000.000.000 VNĐ trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn chưa đến hạn thanh toán được chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo hợp đồng hạn mức số 01/2020/783294/HĐTD ngày 26/06/2020 với mục đích Bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ giá trị phần xây lắp và máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của nhà máy chế biến CaCO₃; nhà máy xi măng lò quay; nhà máy xi măng lò đứng; văn phòng công ty; xí nghiệp khai thác đá thuộc Công ty CP xi măng khoáng sản Yên Bái.

(**) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN huyện Yên Bình Yên Bái theo hợp đồng tín dụng số 11.11.2021/HĐTD ngày 11 tháng 11 năm 2021. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VNĐ (một trăm tỷ đồng). Hạn mức tín dụng trên bao gồm hạn mức cho vay và mở LC thanh toán vốn vay bằng VNĐ. Mục đích khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021-2022. Khoản vay này được đảm bảo bằng 100% tài sản theo các hợp đồng thế chấp như sau:

- + Thế chấp tài sản là Giá trị Quyền khai thác khoáng sản (Quyền khai thác mỏ) theo Hợp đồng thế chấp tài sản số : 25-2021/ HĐTC ngày 02/11/2021 giữa Ngân hàng và Bên thế chấp là Công ty Cổ phần xi măng và khoáng sản Yên Bái.
- + Thế chấp tài sản là dây chuyền máy móc thiết bị (Máy nghiền xi măng MB 35130) theo Hợp đồng thế chấp tài sản số : 111-2018/ HĐTC ngày 08/ 11/ 2018 giữa Ngân hàng và Bên thế chấp là Công ty Cổ phần xi măng và khoáng sản Yên Bái.
- + Thế chấp tài sản là Máy xúc đào bánh xích theo Hợp đồng thế chấp tài sản số : 18-2021/ HĐTC ngày 26/04/2021 giữa Ngân hàng và Bên thế chấp là Công ty Cổ phần xi măng và khoáng sản Yên Bái.
- + Thế chấp tài sản là Tàu chở hàng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số : 19-2021/ HĐTC ngày 26/04/2021 giữa Ngân hàng và Bên thế chấp là Công ty Cổ phần xi măng và khoáng sản Yên Bái.
- + Cầm cố tài sản là Trái phiếu Agribank theo Hợp đồng cầm cố tài sản số : 03-2021/ HĐTC ngày 10/03/2021 giữa Ngân hàng và Bên cầm cố là Công ty Cổ phần xi măng và khoáng sản Yên Bái.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Kết chuyển sang vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	269.936.947.710	525.929.832.889	-	-	(527.098.761.571)	268.768.019.028
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái	169.949.906.797	308.671.803.976	-	-	(309.853.591.745)	168.768.119.028
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN huyện Yên Bình	99.987.040.913	217.258.028.913	-	-	(217.245.169.826)	99.999.900.000
Vay ngắn hạn các tổ chức cá nhân khác	36.050.000.004	4.340.000.000	-	(29.500.000.000)	(10.890.000.004)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	10.421.000.000	-	4.400.000.000	-	(10.333.000.000)	4.488.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái	9.021.000.000	-	4.400.000.000	-	(8.933.000.000)	4.488.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Yên Bái	1.400.000.000	-	-	-	(1.400.000.000)	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	7.473.034.908	-	8.634.145.608	-	(7.473.034.704)	8.634.145.812
Công ty cho thuê tài chính Chailcase	7.473.034.908	-	8.634.145.608	-	(7.473.034.704)	8.634.145.812
Cộng	323.880.982.622	530.269.832.889	13.034.145.608	(29.500.000.000)	(555.794.796.279)	281.890.164.840



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng	19.599.091.173	19.599.091.173	4.800.000.000	4.800.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái (***)</i>	<i>19.599.091.173</i>	<i>19.599.091.173</i>	<i>4.000.000.000</i>	<i>4.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Yên Bái (****)</i>	-	-	<i>800.000.000</i>	<i>800.000.000</i>
Vay dài hạn các tổ chức cá nhân khác	45.656.299.400	45.656.299.400	7.090.955.420	7.090.955.420
Nợ thuê tài chính	12.205.302.972	12.205.302.972	17.549.633.765	17.549.633.765
<i>Công ty cho thuê tài chính Chailease (*****)</i>	<i>12.205.302.972</i>	<i>12.205.302.972</i>	<i>17.549.633.765</i>	<i>17.549.633.765</i>
Cộng	77.460.693.545	77.460.693.545	29.440.589.185	29.440.589.185

(***) : Là khoản vay Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt nam –Chi nhánh Yên Bái theo các hợp đồng:

- Hợp đồng số 01/2015/783294/HĐTD ngày 17/6/2015. Mục đích vay: tài trợ dự án Đầu tư trạm nghiền xi măng công suất 450.000 tấn/năm, số tiền vay 22.000.000.000 VND với thời gian 7 năm kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực; lãi suất cho vay trong hạn 10,5%/năm áp dụng đến 17/12/2015 và được điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo lãi suất của BIDV; Tài sản đảm bảo là Trạm nghiền xi măng công suất 450.000 tấn/năm thuộc nhà máy xi măng Yên Bái và Quyền khai thác mỏ đá.

- Hợp đồng số 02/2021/783294/HĐTD ngày 15/07/2021. Mục đích vay: Hoàn vốn đầu tư và thanh toán chi phí Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, nhà cửa vật kiến trúc thuộc Công ty cổ phần Xi măng và khoáng sản Yên Bái nhằm nâng cao năng lực sản xuất. Số tiền vay: 20.000.000.000 VND với thời gian 7 năm kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực; lãi suất cho vay trong hạn 9,5%/năm áp dụng đến ngày 10/01/2022 và được điều chỉnh 6 tháng/lần; Tài sản đảm bảo là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, nhà cửa vật kiến trúc thuộc Công ty cổ phần Xi măng và khoáng sản Yên Bái.

(*****) Là khoản thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH một thành viên Quốc tế Chailease – Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng thuê tài chính số C191232512 ngày 17/01/2020, tài sản thuê bao gồm: Máy nghiền bột đá, Máy tráng phủ, Máy sấy si bông và Máy cán ép, tổng giá trị tài sản thuê là 28.991.714.738 VND, thời hạn cho thuê là 48 tháng.

- Hợp đồng thuê tài chính số C201108612, tài sản thuê bao gồm: Máy cán ép, Hệ thống lọc bụi xử lý khí thải, Máy đóng bao, tổng giá trị tài sản thuê là 21.924.754.306 VND, thời hạn cho thuê là 48 tháng.

- Hợp đồng thuê tài chính số C211034013, tài sản thuê bao gồm: 05 Máy đào bánh xích, tổng giá trị tài sản thuê là 6.111.111.111 VND, thời hạn cho thuê là 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ ngắn hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Bù trừ công nợ	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	4.800.000.000	19.999.091.173	-	(800.000.000)	(4.400.000.000)	-	19.599.091.173
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái	4.000.000.000	19.999.091.173	-	-	(4.400.000.000)	-	19.599.091.173
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Yên Bái	800.000.000	-	-	(800.000.000)	-	-	-
Vay dài hạn các tổ chức cá nhân khác	7.090.955.420	13.170.000.000	29.500.000.000	(4.104.656.020)	-	-	45.656.299.400
Nợ thuế tài chính	17.549.633.765	6.111.111.111	-	(96.759.259)	(8.634.145.608)	(2.724.537.037)	12.205.302.972
Công ty cho thuê tài chính Chaitlease	17.549.633.765	6.111.111.111	-	(96.759.259)	(8.634.145.608)	(2.724.537.037)	12.205.302.972
Cộng	29.440.589.185	39.280.202.284	29.500.000.000	(5.001.415.279)	(13.034.145.608)	(2.724.537.037)	77.460.693.545

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	118.000.000.000	9.086.494.455	261.000.000	(258.200.000)	8.492.110.068	(31.741.912.229)	103.839.492.294
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	1.596.999.622	1.596.999.622
Số dư cuối năm trước	118.000.000.000	9.086.494.455	261.000.000	(258.200.000)	8.492.110.068	(30.144.912.607)	105.436.491.916
Số dư đầu năm nay	118.000.000.000	9.086.494.455	261.000.000	(258.200.000)	8.492.110.068	(30.144.912.607)	105.436.491.916
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	2.066.385.940	2.066.385.940
Số dư cuối năm nay	118.000.000.000	9.086.494.455	261.000.000	(258.200.000)	8.492.110.068	(28.078.526.667)	107.502.877.856

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**b) Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.800.000	11.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	11.800.000	11.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.800.000</i>	<i>11.800.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(25.820)	(25.820)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>(25.820)</i>	<i>(25.820)</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.774.180	11.774.180
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.774.180</i>	<i>11.774.180</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.		

20. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán tổng hợp

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
<i>Dollar Mỹ (USD)</i>	<i>225,59</i>	<i>193,97</i>
<i>Euro (EUR)</i>	<i>-</i>	<i>0,16</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu		
- Doanh thu bán thành phẩm	760.569.528.148	743.466.984.703
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	252.840.000
- <i>Giảm trừ doanh thu</i>	(4.133.636)	-
Doanh thu thuần	<u>760.565.394.512</u>	<u>743.719.824.703</u>

Thông tin về bán hàng cho bên liên quan được trình bày tại thuyết minh VII.1b

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	708.501.486.349	690.149.746.542
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	66.729.691
Cộng	<u>708.501.486.349</u>	<u>690.216.476.233</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.073.923	4.054.219
Lãi trái phiếu	69.000.000	-
Cộng	<u>73.073.923</u>	<u>4.054.219</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	29.555.338.627	29.900.184.662
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	(225.501.870)	(396.849.332)
Cộng	<u>29.329.836.757</u>	<u>29.503.335.330</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.413.150.310	2.216.926.182
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.583.094.793	6.314.195.330
Các chi phí khác	794.521.945	680.659.421
Cộng	<u>7.790.767.048</u>	<u>9.211.780.933</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	7.175.025.035	7.193.845.358
Chi phí khấu hao tài sản cố định	367.798.316	224.953.872
Thuế, phí và lệ phí	12.062.217	324.305.410
Dự phòng phải thu khó đòi	-	(407.391.900)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.319.850.337	1.156.942.943
Các chi phí khác	2.173.895.946	2.498.616.483
Cộng	<u>11.048.631.851</u>	<u>10.991.272.166</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	15.555.555.555	46.637.699.131
Thu nhập khác	264.599.204	41.164.634
Cộng	<u>15.820.154.759</u>	<u>46.678.863.765</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi chậm nộp bảo hiểm	5.418.355	152.075.059
Giá trị còn lại của Tài sản bán và thuê lại tài chính	15.166.666.666	46.287.699.131
Lãi chậm thanh toán	660.642.470	651.079.646
Các khoản phạt, chậm nộp thuế	1.071.669.347	776.192.319
Chi ủng hộ	22.000.000	307.061.990
Chi phí khác	3.000.000	688.010
Cộng	<u>16.929.396.838</u>	<u>48.174.796.155</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.858.504.351	2.305.081.870
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.102.087.702	1.235.329.368
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.102.087.702	1.235.329.368
<i>Tiền phạt truy thu, phạt thuế</i>	<i>1.071.669.347</i>	<i>776.192.319</i>
<i>Lãi chậm nộp bảo hiểm</i>	<i>5.418.355</i>	<i>152.075.059</i>
<i>Chi phí ủng hộ</i>	<i>22.000.000</i>	<i>307.061.990</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>3.000.000</i>	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	3.960.592.053	3.540.411.238
Thu nhập tính thuế	3.960.592.053	3.540.411.238
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	<u>792.118.411</u>	<u>708.082.248</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>792.118.411</u>	<u>708.082.248</u>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	<u>13.176.418</u>	<u>-</u>
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>792.118.411</u>	<u>708.082.248</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.066.385.940	1.596.999.622
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.066.385.940	1.596.999.622
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.800.000	11.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>175,12</u>	<u>135,34</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	11.800.000	11.800.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>11.800.000</u>	<u>11.800.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bù trừ tiền phải thu bán tài sản và phải trả tiền vay thuê tài sản tài chính	2.724.537.037	21.647.083.139
Bù trừ tiền phải thu bán tài sản và ký quỹ, ký cược dài hạn	122.222.222	2.984.318.538
Bù trừ tiền phải thu bán tài sản và tiền bảo hiểm tài sản thuê tài chính, phí thuê tài chính	89.882.052	298.639.363
Bù trừ phải thu bán tài sản và phải trả tiền chi phí lãi thuê tài chính	25.544.444	240.237.657
Nhận nợ thuê tài chính	6.111.111.111	46.669.751.812

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

a) *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2021</u>
Ông Vũ Xuân Nguyên	Chủ tịch HĐQT	250.884.665
Ông Phạm Quang Phú	Giám đốc	369.752.745
Ông Phạm Việt Thương	P.Giám đốc	329.426.400
Ông Đặng Văn Thắng	P.Giám đốc	279.965.786
Ông Nguyễn Quang Chiến	P.Giám đốc, Trưởng ban kiểm soát	303.577.325
Ông Nguyễn Hồng Phong	P.Giám đốc	484.463.524
Ông Nguyễn Đình Hoàng	Kế toán trưởng	278.727.412
Ông Tống Văn Tý	Thành viên ban kiểm soát	170.105.000
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên ban kiểm soát	236.676.520

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

b) *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

Lĩnh vực kinh doanh Xi măng và Klinker

Lĩnh vực kinh doanh Bột đá & Đá hộc

Lĩnh vực khác (dịch vụ và vận chuyển)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm nay	Xi măng	Bột đá	Hoạt động khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	649.620.042.087	110.945.352.425	-	760.565.394.512
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	649.620.042.087	110.945.352.425	-	760.565.394.512
Chi phí theo bộ phận	610.733.089.644	97.768.396.705	-	708.501.486.349
Kết quả kinh doanh theo bộ phận				52.063.908.163
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(18.839.398.899)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				33.224.509.264
Doanh thu hoạt động tài chính				73.073.923
Chi phí tài chính				(29.329.836.757)
Thu nhập khác				15.820.154.759
Chi phí khác				(16.929.396.838)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(792.118.411)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				2.066.385.940
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	40.568.654.846	10.068.954.676	-	50.637.609.522
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	35.824.771.379	5.051.823.393	-	40.876.594.772

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Xi măng vàklinker	Bột đá	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	595.233.524.955	105.273.060.336	700.506.585.291
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			94.202.274.306
Tổng tài sản			794.708.859.597
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	231.837.222.872	21.960.453.943	253.797.676.815
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			433.408.304.926
Tổng nợ phải trả			687.205.981.741
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	587.110.808.001	96.632.727.602	683.743.535.603
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			80.162.497.764
Tổng tài sản			763.906.033.367
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	225.594.963.155	13.601.050.409	239.196.013.564
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			419.273.527.887
Tổng nợ phải trả			658.469.541.451

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.859.275.262	7.162.610.715	3.859.275.262	7.162.610.715
Phải thu khách hàng	184.425.102.465	144.103.452.084	184.425.102.465	144.103.452.084
Các khoản phải thu khác	14.006.741.177	16.226.617.116	14.006.741.177	16.226.617.116
Cộng	202.291.118.904	167.492.679.915	202.291.118.904	167.492.679.915
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	359.350.858.385	353.321.571.807	359.350.858.385	353.321.571.807
Phải trả người bán	255.999.625.814	232.484.281.797	255.999.625.814	232.484.281.797
Các khoản phải trả khác	44.706.399.138	37.016.757.808	44.706.399.138	37.016.757.808
Cộng	660.056.883.337	622.822.611.412	660.056.883.337	622.822.611.412

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	281.890.164.840	77.460.693.545	-	359.350.858.385
Phải trả người bán	218.470.012.017	37.529.643.797	-	255.999.625.814
Các khoản phải trả khác	44.706.399.138	-	-	44.706.399.138
Cộng	545.066.575.995	114.990.307.342	-	660.056.883.337
Số đầu năm				
Vay và nợ	323.880.982.622	29.440.589.185	-	353.321.571.807
Phải trả người bán	220.665.881.797	11.818.400.000	-	232.484.281.797
Các khoản phải trả khác	37.016.757.808	-	-	37.016.757.808
Cộng	581.563.622.227	41.258.989.185	-	622.822.611.412

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 khoản lỗ lũy kế của Công ty là 28.078.526.667 đồng chiếm 23,8% vốn đầu tư của chủ sở hữu và nợ ngắn hạn vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 190.595.736.428 đồng. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên do tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất, tăng sản lượng dẫn tới kết quả kinh doanh của Công ty vẫn đang có lãi, và có chiều hướng phát triển tích cực. Bên cạnh đó, do chứng minh được năng lực tài chính và định hướng phát triển kinh doanh tốt, Công ty vẫn tiếp tục được các Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt nam – Chi nhánh Yên Bái, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Yên Bình cho vay. Do vậy vốn hoạt động của Công ty luôn duy trì ở mức ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững.

Từ các yếu tố này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng các vấn đề nêu trên sẽ không ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty, Báo cáo tài chính theo giả định Hoạt động liên tục vẫn là phù hợp.

8. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Người lập biểu

Vũ Thị Hồng Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Hoàng

Lập ngày 30 tháng 3 năm 2022



Phạm Quang Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công nợ phải thu khách hàng	-	10.641.790.964	7.094.179.517	-	10.641.790.964	7.094.179.517
20 MICRONS LIMITED	Quá hạn trên 3 năm	82.852.241	82.852.241	Quá hạn trên 3 năm	82.852.241	82.852.241
20 MICRONS SDN. BHD.	Quá hạn trên 3 năm	16.543.384	16.543.384	Quá hạn trên 3 năm	16.543.384	16.543.384
Bà Hương Cài	Quá hạn trên 3 năm	9.594.600	9.594.600	Quá hạn trên 3 năm	9.594.600	9.594.600
Bà Hào	Quá hạn trên 3 năm	17.540.000	17.540.000	Quá hạn trên 3 năm	17.540.000	17.540.000
Bà Lon - Km 13	Quá hạn trên 3 năm	11.736.000	11.736.000	Quá hạn trên 3 năm	11.736.000	11.736.000
CN Cty/TNHH/TV hơi KN que hàn-NM	Quá hạn trên 3 năm	166.436.500	116.505.550	Quá hạn trên 3 năm	166.436.500	116.505.550
Đ&Đ&HC Trảng Kênh	Quá hạn trên 3 năm	99.820.600	99.820.600	Quá hạn trên 3 năm	99.820.600	99.820.600
Cty TNHH xi măng Việt Quang	Quá hạn trên 3 năm	39.500.000	39.500.000	Quá hạn trên 3 năm	39.500.000	39.500.000
Cty TNHH TM và Đầu tư Bắc Việt	Quá hạn trên 3 năm	6.400.000	6.400.000	Quá hạn trên 3 năm	6.400.000	6.400.000
Công ty CP sản xuất thương mại ATD	Quá hạn trên 3 năm	68.000.000	68.000.000	Quá hạn trên 3 năm	68.000.000	68.000.000
Công ty CP TM & ôtô Hàn Việt	Quá hạn trên 3 năm	59.700.000	59.700.000	Quá hạn trên 3 năm	59.700.000	59.700.000
Công ty CP XD & PT cơ sở hạ tầng VINASHIN	Quá hạn trên 3 năm	21.600.000	21.600.000	Quá hạn trên 3 năm	21.600.000	21.600.000
Công ty CP XD phát triển Hoà Anh	Quá hạn trên 3 năm	17.758.006	17.758.006	Quá hạn trên 3 năm	17.758.006	17.758.006
Công ty CP XD và thương mại Tiến Thành	Quá hạn trên 3 năm	123.905.700	123.905.700	Quá hạn trên 3 năm	123.905.700	123.905.700
Công ty CP xi măng Lai Châu	Quá hạn trên 3 năm	7.420.410	7.420.410	Quá hạn trên 3 năm	7.420.410	7.420.410
Công ty CP XL và Thương mại Ba Vì	Quá hạn trên 3 năm	15.200.000	15.200.000	Quá hạn trên 3 năm	15.200.000	15.200.000
Công ty CP đầu tư & PT Yên Bái	Quá hạn trên 3 năm	444.956.000	444.956.000	Quá hạn trên 3 năm	444.956.000	444.956.000
Công ty cổ phần Thông Việt	Quá hạn trên 3 năm	104.820.000	104.820.000	Quá hạn trên 3 năm	104.820.000	104.820.000
Công ty cổ phần xây dựng và Đầu tư Hà Nội	Quá hạn trên 3 năm	6.385.000	6.385.000	Quá hạn trên 3 năm	6.385.000	6.385.000
Công ty cổ phần giao thông - Xây dựng HJC1	Quá hạn trên 3 năm	6.569.045	6.569.045	Quá hạn trên 3 năm	6.569.045	6.569.045
Công ty cổ phần Hoá phẩm Dầu khí	Quá hạn trên 3 năm			Quá hạn trên 3 năm		

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
DMC - Miền bắc						
Công ty cổ phần LILAMA 3	Quá hạn trên 3 năm	175.784.204	175.784.204	Quá hạn trên 3 năm	175.784.204	175.784.204
Công ty cổ phần sản xuất và vận tải Thái Sơn	Quá hạn trên 3 năm	325.250.000	227.675.000	Quá hạn trên 3 năm	325.250.000	227.675.000
Công ty cổ phần XD và TM Sóng Hồng	Quá hạn trên 3 năm	58.200.000	58.200.000	Quá hạn trên 3 năm	58.200.000	58.200.000
Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Thanh Xuân	Quá hạn trên 3 năm	310.695.000	310.695.000	Quá hạn trên 3 năm	310.695.000	310.695.000
Công ty cổ phần xây lắp và Đầu tư Sông Đà	Quá hạn trên 3 năm	105.860.000	105.860.000	Quá hạn trên 3 năm	105.860.000	105.860.000
Công ty cầu 13	Quá hạn trên 3 năm	13.843.000	13.843.000	Quá hạn trên 3 năm	13.843.000	13.843.000
Công ty TM Hạ Long	Quá hạn trên 3 năm	55.000.000	55.000.000	Quá hạn trên 3 năm	55.000.000	55.000.000
Công ty TNHH Bình Minh	Quá hạn trên 3 năm	38.418.400	38.418.400	Quá hạn trên 3 năm	38.418.400	38.418.400
Công ty TNHH Chiến Công	Quá hạn trên 3 năm	52.160.000	52.160.000	Quá hạn trên 3 năm	52.160.000	52.160.000
Công ty TNHH Chính Dũng	Quá hạn trên 3 năm	22.110.000	22.110.000	Quá hạn trên 3 năm	22.110.000	22.110.000
Công ty TNHH Duy Thanh	Quá hạn trên 3 năm	82.510.300	82.510.300	Quá hạn trên 3 năm	82.510.300	82.510.300
Công ty TNHH Gia Phát	Quá hạn trên 3 năm	40.000.000	40.000.000	Quá hạn trên 3 năm	40.000.000	40.000.000
Công ty TNHH Hải Ninh	Quá hạn trên 3 năm	8.285.500	8.285.500	Quá hạn trên 3 năm	8.285.500	8.285.500
Công ty TNHH Hợp Lực	Quá hạn trên 3 năm	55.500.000	55.500.000	Quá hạn trên 3 năm	55.500.000	55.500.000
Công ty TNHH Hùng dũng	Quá hạn trên 3 năm	3.133.550	3.133.550	Quá hạn trên 3 năm	3.133.550	3.133.550
Công ty TNHH kỹ nghệ Thái Dương	Quá hạn trên 3 năm	156.800.000	156.800.000	Quá hạn trên 3 năm	156.800.000	156.800.000
Công ty TNHH Long Thịnh	Quá hạn trên 3 năm	87.100.000	87.100.000	Quá hạn trên 3 năm	87.100.000	87.100.000
Công ty TNHH MTV Thương mại và XD Quốc Tuấn	Quá hạn trên 3 năm	44.550.000	44.550.000	Quá hạn trên 3 năm	44.550.000	44.550.000
Công ty TNHH một thành viên 207	Quá hạn trên 3 năm	64.004.928	64.004.928	Quá hạn trên 3 năm	64.004.928	64.004.928
Công ty TNHH một thành viên thương mại Hùng Cường	Quá hạn trên 3 năm	54.000.000	54.000.000	Quá hạn trên 3 năm	54.000.000	54.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH một thành viên Việt Nhi	Quá hạn trên 3 năm	14.400.000	14.400.000	Quá hạn trên 3 năm	14.400.000	14.400.000
Công ty TNHH một thành viên Tây Bắc	Quá hạn trên 3 năm	130.000.000	130.000.000	Quá hạn trên 3 năm	130.000.000	130.000.000
Công ty TNHH Nam Thanh	Quá hạn trên 3 năm	330.718.000	330.718.000	Quá hạn trên 3 năm	330.718.000	330.718.000
Công ty TNHH Nhung Hùng Lào Cai	Quá hạn trên 3 năm	59.382.440	59.382.440	Quá hạn trên 3 năm	59.382.440	59.382.440
Công ty TNHH Phú giang	Quá hạn trên 3 năm	12.279.000	12.279.000	Quá hạn trên 3 năm	12.279.000	12.279.000
Công ty TNHH Quang Long	Quá hạn trên 3 năm	3.840.000	3.840.000	Quá hạn trên 3 năm	3.840.000	3.840.000
Công ty TNHH SXTM Thái Thịnh Hoàng	Quá hạn trên 3 năm	63.921.275	63.921.275	Quá hạn trên 3 năm	63.921.275	63.921.275
Công ty TNHH sản xuất & TM Mỹ Đức	Quá hạn trên 3 năm	23.276.000	23.276.000	Quá hạn trên 3 năm	23.276.000	23.276.000
Công ty TNHH Thanh Long	Quá hạn trên 3 năm	10.950.000	7.665.000	Quá hạn trên 3 năm	10.950.000	7.665.000
Công ty TNHH Thanh Tuấn	Quá hạn trên 3 năm	4.100.000	4.100.000	Quá hạn trên 3 năm	4.100.000	4.100.000
Công ty TNHH thương mại Gia Tùng	Quá hạn trên 3 năm	20.969.775	20.969.775	Quá hạn trên 3 năm	20.969.775	20.969.775
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Đại Trường Phúc	Quá hạn trên 3 năm	57.300.000	57.300.000	Quá hạn trên 3 năm	57.300.000	57.300.000
Công ty TNHH TM DV SINABO	Quá hạn trên 3 năm	1.325.000	1.325.000	Quá hạn trên 3 năm	1.325.000	1.325.000
Công ty TNHH Tùng Hương	Quá hạn trên 3 năm	93.870.000	93.870.000	Quá hạn trên 3 năm	93.870.000	93.870.000
Công ty TNHH xây dựng công trình số VI	Quá hạn trên 3 năm	100.730.000	100.730.000	Quá hạn trên 3 năm	100.730.000	100.730.000
Công ty TNHH Đăng Khoa	Quá hạn trên 3 năm	41.950.000	41.950.000	Quá hạn trên 3 năm	41.950.000	41.950.000
Công ty TNHH Đại Hưng	Quá hạn trên 3 năm	51.680.000	51.680.000	Quá hạn trên 3 năm	51.680.000	51.680.000
Công ty TNHH Đất Đá	Quá hạn trên 3 năm	19.705.400	19.705.400	Quá hạn trên 3 năm	19.705.400	19.705.400
Cửa hàng Phú lương	Quá hạn trên 3 năm	3.079.999	3.079.999	Quá hạn trên 3 năm	3.079.999	3.079.999
DNTN TM - DV - SX Tân Hải Nam	Quá hạn trên 3 năm	218.257.365	218.257.365	Quá hạn trên 3 năm	218.257.365	218.257.365
Doanh nghiệp TN Tín Phát	Quá hạn trên 3 năm	12.000.000	12.000.000	Quá hạn trên 3 năm	12.000.000	12.000.000
Doanh nghiệp TN Việt Trung	Quá hạn trên 3 năm	500.000	500.000	Quá hạn trên 3 năm	500.000	500.000
Doanh nghiệp tư nhân Oanh Hiếu	Quá hạn trên 3 năm	33.875.000	33.875.000	Quá hạn trên 3 năm	33.875.000	33.875.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Doanh nghiệp tư nhân Thành Lợi	Quá hạn trên 3 năm	35.885.000	Quá hạn trên 3 năm	35.885.000
Doanh nghiệp tư nhân Vĩnh Tập	Quá hạn trên 3 năm	178.436.004	Quá hạn trên 3 năm	178.436.004
Gulshan Polyols Limited	Quá hạn trên 3 năm	849.782	Quá hạn trên 3 năm	849.782
Jupiter Chemicals	Quá hạn trên 3 năm	2.853.395	Quá hạn trên 3 năm	2.853.395
Nguyễn Trung Kiên	Quá hạn trên 3 năm	24.000.000	Quá hạn trên 3 năm	24.000.000
Nguyễn Trí Dũng	Quá hạn trên 3 năm	10.100.000	Quá hạn trên 3 năm	10.100.000
Ngô Chí Dũng	Quá hạn trên 3 năm	8.640.000	Quá hạn trên 3 năm	8.640.000
Sarthak International	Quá hạn trên 3 năm	3.841.420	Quá hạn trên 3 năm	3.841.420
Tạ Văn Tuyên	Quá hạn trên 3 năm	60.000.000	Quá hạn trên 3 năm	60.000.000
VIMAL MICRONS LTD	Quá hạn trên 3 năm	295.650	Quá hạn trên 3 năm	295.650
Vũ Hoàng Chương	Quá hạn trên 3 năm	13.055.750	Quá hạn trên 3 năm	13.055.750
XNCN& DV TMTH Nam Việt- Cty CP	Quá hạn trên 3 năm	98.707.565	Quá hạn trên 3 năm	98.707.565
tập đoàn Tân Mai	Quá hạn trên 3 năm	10.950.000	Quá hạn trên 3 năm	10.950.000
Xí nghiệp giấy Hiền Hoà	Quá hạn trên 3 năm	14.832.000	Quá hạn trên 3 năm	14.832.000
Ô. Tuy- Cty H/C khoáng sản XD	Quá hạn trên 3 năm	1.400.000	Quá hạn trên 3 năm	1.400.000
Ông Dũng - Sở xây dựng	Quá hạn trên 3 năm	24.462.000	Quá hạn trên 3 năm	24.462.000
Ông Hưng - Thanh tra	Quá hạn trên 3 năm	5.916.000	Quá hạn trên 3 năm	5.916.000
Ông Núi - Yên Bái	Quá hạn trên 3 năm	2.728.000	Quá hạn trên 3 năm	2.728.000
Ông Quý - Sở địa chính	Quá hạn trên 3 năm	10.230.000	Quá hạn trên 3 năm	10.230.000
Ông Sao - Viện nghiên cứu máy	Quá hạn trên 3 năm	3.112.390	Quá hạn trên 3 năm	3.112.390
Ông Thuận - Cục đầu tư	Quá hạn trên 3 năm	10.000.000	Quá hạn trên 3 năm	10.000.000
Ông Thăng	Quá hạn trên 3 năm	5.373.650	Quá hạn trên 3 năm	5.373.650
Ông Toàn - Cty CPXD & KD nhà	Quá hạn trên 3 năm	2.160.000	Quá hạn trên 3 năm	2.160.000
Ông Trần Ngọc Uy	Quá hạn trên 3 năm	4.982.800	Quá hạn trên 3 năm	4.982.800
Ông Vành	Quá hạn trên 3 năm	3.450.000	Quá hạn trên 3 năm	3.450.000
Ông Vũ Nuy - Yên Bái	Quá hạn trên 3 năm	3.450.000	Quá hạn trên 3 năm	3.450.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Ông Đông - Phúc yên	Quá hạn trên 3 năm	142.428.500	Quá hạn trên 3 năm	142.428.500
Ông ưu - Sờ xây dựng	Quá hạn trên 3 năm	2.730.000	Quá hạn trên 3 năm	2.730.000
Đại lý bà Hiệu	Quá hạn trên 3 năm	33.000.000	Quá hạn trên 3 năm	33.000.000
Đại lý bà Hợp	Quá hạn trên 3 năm	17.150.000	Quá hạn trên 3 năm	17.150.000
Đại lý bà Lịch	Quá hạn trên 3 năm	16.310.000	Quá hạn trên 3 năm	16.310.000
Đại lý bà Phương	Quá hạn trên 3 năm	3.028.400	Quá hạn trên 3 năm	3.028.400
Đại lý bà Tám	Quá hạn trên 3 năm	3.000.000	Quá hạn trên 3 năm	3.000.000
Đại lý Hải Huệ	Quá hạn trên 3 năm	31.015.000	Quá hạn trên 3 năm	31.015.000
Đại lý Hồng Hải	Quá hạn trên 3 năm	24.102.436	Quá hạn trên 3 năm	24.102.436
Đại lý Mơ Nhớ	Quá hạn trên 3 năm	14.104.000	Quá hạn trên 3 năm	14.104.000
Đại lý Thanh Sơn	Quá hạn trên 3 năm	48.190.000	Quá hạn trên 3 năm	48.190.000
Đại lý ông Hồng	Quá hạn trên 3 năm	38.579.080	Quá hạn trên 3 năm	38.579.080
Đại lý ông Lưu	Quá hạn trên 3 năm	15.672.200	Quá hạn trên 3 năm	15.672.200
Đại lý ông Minh - Vĩnh yên	Quá hạn trên 3 năm	1.300.000	Quá hạn trên 3 năm	1.300.000
Đại lý ông Nguyễn Phi Long	Quá hạn trên 3 năm	28.831.380	Quá hạn trên 3 năm	28.831.380
Đại lý ông Nguyễn Văn Tịnh *	Quá hạn trên 3 năm	18.098.995	Quá hạn trên 3 năm	18.098.995
Đại lý ông Tuấn	Quá hạn trên 3 năm	71.970.000	Quá hạn trên 3 năm	71.970.000
Đại lý ông Tuấn	Quá hạn trên 3 năm	65.801.430	Quá hạn trên 3 năm	65.801.430
Đại lý ông Vàng	Quá hạn trên 3 năm	34.139.500	Quá hạn trên 3 năm	34.139.500
Đại lý ông Vỹ	Quá hạn trên 3 năm	44.348.020	Quá hạn trên 3 năm	44.348.020
Công ty TNHH Một thành viên Trường Hải	Quá hạn 1 năm đến dưới 2 năm	3.609.100.939	Quá hạn 1 năm đến dưới 2 năm	3.609.100.939
Công ty cổ phần Gia Phát Phú Thọ	Quá hạn 1 năm đến dưới 2 năm	198.894.000	Quá hạn 1 năm đến dưới 2 năm	198.894.000
Công ty cổ phần giấy Thành Đạt	Quá hạn 1 năm đến dưới 2 năm	647.044.056	Quá hạn 1 năm đến dưới 2 năm	647.044.056
		1.082.730.282		1.082.730.282

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
	Quá hạn 1 năm đến dưới 2 năm			Quá hạn 1 năm đến dưới 2 năm		
Công ty TNHH Một thành viên Thành Nam QB		608.640.000	304.320.000		608.640.000	304.320.000
Công nợ phải thu khác		29.100.000	29.100.000		29.100.000	29.100.000
Chu thành khiêm (dư trên 141)	Quá hạn trên 3 năm	1.100.000	1.100.000	Quá hạn trên 3 năm	1.100.000	1.100.000
Nguyễn Văn Minh (dư trên 141)	Quá hạn trên 3 năm	21.000.000	21.000.000	Quá hạn trên 3 năm	21.000.000	21.000.000
Lương Văn Tèo (dư trên 138)	Quá hạn trên 3 năm	7.000.000	7.000.000	Quá hạn trên 3 năm	7.000.000	7.000.000
Cộng		10.670.890.964	7.123.279.517		10.670.890.964	7.123.279.517

